

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2017
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm M, xã ĐC, huyện KB, tỉnh HN.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm M, xã ĐC, huyện KB, tỉnh HN.

3. Người làm chứng: Ông Dương Văn Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm H, xã ĐC, huyện KB, tỉnh HN.

Phiên tòa có mặt anh Đ, ông Th; vắng mặt chị Th có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 7 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Dương Thị Th trình bày: Chị và anh Dương Văn Đ lấy nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 01 tháng 02 năm 2009. Sau ngày cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở xóm M, xã ĐC, huyện KB, tỉnh HN được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ mãi mê chơi bời, không chịu tu trí làm ăn, chị có khuyên giải thì anh Đ lại

gây sự chửi mắng đánh đập chị, song chị vẫn cố chịu đựng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng càng chịu đựng thì anh Đ lại càng xúc phạm, chửi mắng đánh đập chị nhiều hơn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, nhưng anh Đ không chịu sửa chữa, nên khoảng tháng 02 năm 2015, chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm H, xã ĐC, huyện KB, tỉnh HN để ở nhờ. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống cũng như tình cảm của nhau. Trong thời gian chị ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, anh Đ đã nhiều lần đến gây sự với bố mẹ chị và chửi mắng đe dọa chị. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn Đ.

Tại bản tự khai đề ngày 07 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Dương Văn Đ xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc cũng như thời gian, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị Th đã trình bày. Tuy nhiên anh cho rằng đến nay anh vẫn còn tình cảm với chị Th, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được trở về chung sống đoàn tụ.

Về con cái: Chị Th và anh Đ thống nhất xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 25/4/2012, hiện cháu đang ở với anh Đ. Khi ly hôn cả hai thống nhất giao chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được. Chị Th không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu anh Đ có mong muốn cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đ đề nghị xin được cấp dưỡng nuôi chung cho chị Th mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ.

Về tài sản: Chị Th và anh Đ thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình, vợ chồng không được địa phương giao chung đất ruộng cấy. Do vậy khi ly hôn, cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn xin được đoàn tụ, nhưng trong trường hợp chị Th cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung anh giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị ở trên; ngoài ra anh Đ còn đề nghị Tòa án xem xét phân chia số tài sản chung của vợ chồng gồm 12 chỉ vàng mà khi cưới được hai bên gia đình cho vợ chồng, hiện do chị Th đang quản lý. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 200, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Th, xử ly hôn giữa chị Dương Thị Th và anh Dương Văn Đ; giao chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 25/4/2012, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.000.000đ; không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung theo đề nghị của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Dương Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp nguyên đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Th và anh Dương Văn Đ lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 01 tháng 02 năm 2009. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Đ mãi chơi, không chịu tu trí làm ăn, làm cho kinh tế gia đình giảm sút, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, khi chị Th góp ý, anh Đ không nghe mà còn xúc phạm, chửi mắng, đánh đập vợ con khiến chị Th phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Xét tình cảm giữa chị Th và anh Đ đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân nhau từ lâu, nên yêu cầu của chị Th xin ly hôn anh Đ là có căn cứ. Việc anh Đ xin đoàn tụ với lý do vẫn còn tình cảm với chị Th, đây chỉ là cái cớ để anh Đ gây khó khăn, cản trở cho chị Th trong quá trình giải quyết vụ án, vì từ khi vợ chồng sống ly thân, nhất là từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến nay, anh Đ không có biện pháp nào để thể hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngược lại anh Đ đã nhiều lần đến đe dọa, gây sự với chị Th và bố mẹ vợ, nên không có cơ sở để chấp nhận lời đề nghị của anh Đ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Đ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con cái: Do chị Th và anh Đ đều thống nhất giao cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 25/4/2012 cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ch đủ

18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được, đây là thỏa thuận có sự tự nguyện của hai bên đương sự, nên cần xem xét chấp nhận. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng không thỏa thuận được, nhưng anh Đ xin cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ/tháng, xét đây là sự tự nguyện của anh Đ, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho cháu Ch, cần chấp nhận đề nghị này của anh Đ, buộc anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng 1.000.000đ theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh Đ đều thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì. Hơn nữa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ không có yêu cầu phản tố và đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì. Nay tại phiên tòa, anh Đ mới yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vượt quá phạm vi giải quyết vụ án, bên cạnh đó, anh Đ không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với số tài sản chung của vợ chồng, nên yêu cầu của anh Đ tại phiên tòa đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu sau khi ly hôn, anh Đ có căn cứ chứng minh số tài sản chung của vợ chồng là 12 chỉ vàng do chị Th đang quản lý chưa chia mà anh Đ, chị Th không tự phân chia được, thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản riêng; công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản riêng; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình; không được địa phương giao chung đất ruộng cấy nông nghiệp, nay các đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, nên chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối với án phí về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng, nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng là anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 200, 228, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Th và anh Dương Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Dương Thị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Minh Ch, sinh ngày 25/4/2012, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001208 ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị Th đã nộp đủ tiền án phí. Anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Dương Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Dương Thị Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam (đề b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã ĐC;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh